

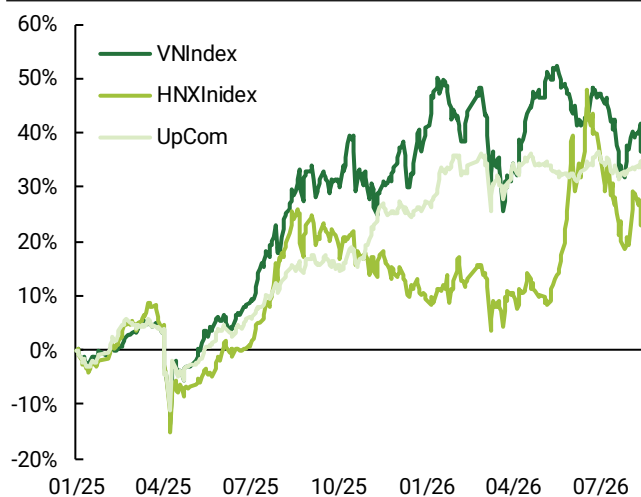
VN-Index **1727.46 (-0.09%)**
584 Tr. cổ phiếu 13945.3 Tỷ VND (-28.37%)

HNX-Index **278.64 (-0.48%)**
37 Tr. cổ phiếu 621.8 Tỷ VND (-36.11%)

UPCOM-Index **128.18 (0.79%)**
17 Tr. cổ phiếu 314.0 Tỷ VND (-35.85%)

VN30F1M **1880.00 (0.06%)**
200,502 HD OI: 28,052 HD

% Hiệu suất từ đầu năm 2025 của các chỉ số



NHẬN ĐỊNH THỊ TRƯỜNG

- **Diễn biến:** Chỉ số VNIndex đóng cửa phiên tại 1727.5, giảm -1.6 điểm (-0.09%). Thanh khoản giảm với độ rộng thị trường cân bằng. VN30 tăng trong khi HNXIndex giảm.
- **Điểm nhấn trong phiên:** Mặt bằng cổ phiếu chưa thể phục hồi trên diện rộng và áp lực bán có phần chiếm ưu thế. Nhóm vốn hóa lớn, dẫn đầu là nhóm Vin cùng Ngân hàng kéo giảm chỉ số nhiều nhất.
- Nhóm ngành và cổ phiếu biến động tích cực trong phiên: Điện, nước & xăng dầu khí đốt: TTA (+4.0%), GAS (+4.1%) | Dầu khí: PLX (+1.3%), BSR (+2.6%) | Thực phẩm và đồ uống: VNM (+1.0%), SAB (+1.0%) | Xây dựng và Vật liệu: CRC (+1.9%), CDC (+2.1%), CII (+5.7%). Diễn biến yếu trong phiên: Ngân hàng: LPB (-2.9%), VPB (-1.4%), ACB (-1.4%) | Bất động sản: BCM (-2.4%), VIC (-1.2%) | Dịch vụ tài chính: APG (-2.7%), FTS (-1.6%), EVF (-1.6%) | Du lịch và Giải trí: HVN (-1.5%).
- Tác động chỉ số: Chiều tăng | GAS, STB, BSR, BVH, HDB - Chiều giảm | VIC, LPB, VPB, VCB, ACB
- Khối ngoại Bán ròng gần 600 tỷ đồng, tập trung nhiều ở VIC, VHM, ACB, trong khi mua ròng TCB, VNM, HDB.

GÓC NHÌN KỸ THUẬT

- **VN-Index** kết phiên với mẫu hình nền Doji giằng co, thanh khoản cũng sụt giảm về mức thấp cho thấy sự lưỡng lự ở cả hai chiều cung cầu. Dù vậy, số mã vận động trên MA20 ngày chưa suy yếu đáng kể, bên cạnh đó, mặt bằng cổ phiếu cũng đang trong trạng thái kiểm định các vùng hỗ trợ gần, chưa xuất hiện dấu hiệu sập gãy áp đảo. Điều này hàm ý dòng tiền đang luân chuyển tìm kiếm cơ hội hơn là dấu hiệu rút lui mạnh. Về mặt kỹ thuật, chỉ số cần sớm lấy lại mốc 1740 điểm, trái lại, đà giảm có thể chi phối về mốc hỗ trợ thấp hơn quanh ngưỡng 1700 điểm.
- **Đối với HNX-Index**, chỉ số hạ nhiệt về lại khu vực quanh ngưỡng MA100 ngày. Giá có thể nhận được lực đỡ từ đây. Dù vậy, nếu lực cầu mua lên suy yếu, đà giảm có thể tiếp tục chi phối về vùng đáy gần quanh 260 – 265.
- **Chiến lược:** Diễn biến hiện tại khiến chiến lược chuyển sang trạng thái thận trọng hơn. Thay vào đó, nên ưu tiên theo dõi phản ứng của cổ phiếu khi lùi về kiểm định các vùng hỗ trợ gần. Nếu xuất hiện dấu hiệu sập gãy, cần hạ bớt vị thế để kiểm soát rủi ro, bên cạnh chủ động bảo vệ thành quả với các vị thế đã có lãi. Chiều mua chỉ phù hợp khẩu vị rủi ro cao, lướt song ngắn hạn theo dòng tiền. Nhóm ngành nổi bật: Ngân hàng, Dầu khí, các DNNN đầu ngành.

CỔ PHIẾU KHUYẾN NGHỊ

Chốt lời MSR (Xem tiếp tại trang 7)

Diễn biến thị trường từ đầu năm đến hiện tại

Chỉ số	Giá đóng cửa				% Thay đổi				Giá trị giao dịch (Tỷ VND)	% Biến động giá trị giao dịch so với			Khối lượng giao dịch (Triệu CP)	% Biến động khối lượng giao dịch so với		
		(%) 1D	(%) 1W	(%) 1M		01 phiên trước	Trung bình 01 tuần	Trung bình 01 tháng			01 phiên trước	Trung bình 01 tuần		Trung bình 01 tháng		
Theo chỉ số																
VN-Index	1,727.5 ▼	-0.1%	-2.8%	-3.4%	13,945.3 ▼	-28.4%	-21.7%	19.6%	583.8 ▼	-28.0%	-20.5%	33.5%				
HNX-Index	278.6 ▼	-0.5%	-3.1%	-4.5%	621.8 ▼	-36.1%	-28.0%	-4.3%	36.7 ▼	-36.9%	-33.8%	-9.7%				
UPCOM-Index	128.2 ➡	0.8%	0.7%	0.6%	314.0 ▼	-35.8%	-16.5%	32.7%	16.7 ▼	-55.2%	-19.9%	-26.6%				
VN30	1,877.7 ➡	0.0%	-2.5%	-2.8%	7,883.9 ▼	-29.6%	-21.8%	10.8%	231.4 ▼	-20.0%	-31.2%	15.2%				
VNMID	1,920.0 ➡	0.2%	-1.5%	-2.9%	5,103.2 ▼	-27.3%	-17.8%	40.8%	241.5 ▼	-34.2%	-20.6%	33.7%				
VNSML	1,251.3 ➡	0.0%	-1.1%	-2.3%	591.4 ▼	-35.1%	-39.2%	1.1%	40.4 ▼	-42.0%	-48.8%	-9.0%				
Theo ngành (VNIndex)																
Ngân hàng	622.4 ▼	-0.3%	-2.35%	-1.5%	3,459.0 ▼	-10.9%	-16.6%	-31.8%	161.3 ▼	-5.7%	-15.6%	-29.0%				
Bất động sản	899.9 ▼	-0.7%	-4.3%	-6.9%	2,907.6 ▼	-30.7%	-11.1%	-10.9%	84.1 ▼	-39.4%	-22.2%	-22.6%				
Dịch vụ tài chính	283.5 ➡	0.0%	-2.6%	-4.8%	1,660.5 ▼	-51.2%	-36.2%	-30.5%	85.8 ▼	-53.0%	-37.0%	-33.5%				
Công nghiệp	233.0 ➡	0.3%	-1.3%	-2.5%	1,017.7 ▼	-15.8%	-11.6%	-1.8%	29.0 ▼	-38.1%	-28.7%	-28.4%				
Tài nguyên cơ bản	469.8 ▼	-0.1%	-3.7%	-2.7%	464.4 ▼	-32.6%	-19.1%	-30.7%	24.5 ▼	-31.9%	-19.4%	-31.2%				
Xây dựng - Vật Liệu	157.9 ➡	0.2%	-1.6%	0.7%	575.7 ➡	0.9%	8.8%	12.4%	35.8 ▲	16.4%	16.0%	15.6%				
Thực phẩm	492.7 ➡	0.5%	0.1%	1.5%	920.9 ▼	-25.4%	-7.5%	-16.8%	23.5 ▼	-22.2%	-8.5%	-11.5%				
Bán Lẻ	1,466.7 ➡	0.2%	1.3%	6.6%	523.6 ▼	-34.2%	-26.8%	-27.9%	7.6 ▼	-26.6%	-25.4%	-28.8%				
Công nghệ	372.4 ➡	0.6%	-4.1%	1.7%	638.3 ▼	-7.1%	14.2%	16.4%	10.1 ▼	-1.3%	18.6%	6.2%				
Hóa chất	163.5 ➡	0.1%	-1.9%	2.6%	213.3 ▼	-33.6%	-29.2%	-25.3%	7.0 ▼	-43.6%	-40.2%	-38.5%				
Tiện ích	739.7 ▲	2.2%	-1.5%	2.5%	564.8 ▲	73.2%	35.6%	60.3%	27.0 ▲	81.6%	45.4%	65.5%				
Dầu khí	104.9 ▲	2.1%	-2.8%	4.3%	349.3 ▼	-53.3%	-24.75%	-19.4%	14.5 ▼	-56.3%	-23.2%	-20.4%				
Dược phẩm	389.1 ▼	-0.4%	-1.6%	-0.1%	37.6 ▲	47.1%	-30.4%	-41.6%	1.2 ▲	15.9%	-52.5%	-50.4%				
Bảo hiểm	106.7 ▲	4.3%	1.1%	11.9%	46.6 ▲	39.9%	39.7%	50.8%	0.8 ▼	-2.9%	15.6%	14.0%				

Nguồn: FiinPro, PHS tổng hợp

Diễn biến chỉ số chứng khoán của các thị trường trong khu vực và thị trường lớn trên Thế giới

Chỉ số	Thị trường	Giá đóng cửa	% Thay đổi giá		Chỉ số định giá	
			1 ngày	YTD	P/E	P/B
VN-Index	Việt Nam	1,727.5 ▼	-0.09%	-3.2%	13.1x	1.9x
SET-Index	Thái Lan	1,626 ▲	1.08%	29.1%	15.3x	1.5x
JCI-Index	Indonesia	6,402 -	-	-26.0%	14.0x	1.7x
FTSE Bursa Malaysia	Malaysia	12,809 ▼	-0.05%	4.1%	15.9x	1.5x
PSEi Index	Phillipines	6,262 ▼	-0.56%	3.5%	9.4x	1.3x
Shanghai Composite	Trung Quốc	3,983 ▲	1.41%	0.3%	19.9x	1.5x
Hang Seng	Hồng Kông	25,453 ▲	1.34%	-0.7%	13.3x	1.3x
Nikkei 225	Nhật Bản	69,220 ▬	0.74%	37.5%	22.6x	3.1x
S&P 500	Mỹ	7,786 ▼	-0.17%	13.7%	28.6x	5.9x
Dow Jones	Mỹ	53,732 ▼	-0.20%	11.8%	24.9x	6.3x
FTSE 100	Anh	10,739 ▼	-0.10%	8.1%	14.9x	2.3x
Euro Stoxx 50	Châu Âu	6,541 ▬	0.02%	12.9%	17.8x	2.6x
DXV		99.4 ▼	-0.25%	1.1%		
USDVND		26,205 ▬	0.233%	-0.4%		

Nguồn: Bloomberg, PHS tổng hợp

Ghi chú: Chỉ số S&P 500, Dow Jones, FTSE 100 và Euro Stoxx 50 lấy giá đóng cửa hôm trước

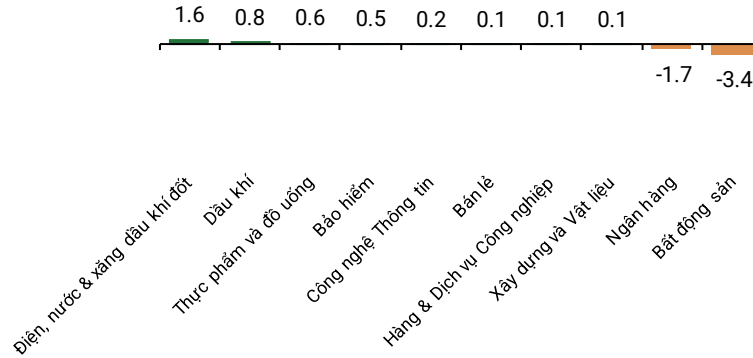
Biến động giá/ chỉ số các loại hàng hóa toàn cầu

Giá/ Chỉ số hàng hóa		% Thay đổi giá			
		1D	1M	% YTD	% YoY
Dầu Brent	▬	0.70%	1.2%	46.5%	35.4%
Dầu WTI	▬	0.57%	0.5%	44.3%	32.0%
Khí gas	▼	-2.4%	-8.3%	-27.6%	-8.5%
Than cốc (*)	▬	0.0%	-8.2%	17.4%	17.4%
Thép HRC (*)	▬	0.3%	-1.6%	-0.2%	-6.2%
PVC (*)	▲	2.3%	1.2%	1.6%	-8.1%
Phân Urea (*)	▬	0.0%	-0.9%	-1.8%	-20.6%
Cao su thiên nhiên	▲	1.8%	4.1%	24.3%	30.6%
Bông Cotton	▬	0.4%	8.9%	30.6%	27.0%
Đường	▬	0.1%	12.1%	10.7%	1.1%
World Container Index	▬	0.0%	-4.6%	96.1%	84.6%
Baltic Dirty tanker Index	▲	1.8%	20.1%	107.9%	169.9%
Vàng	▬	0.28%	9.2%	1.6%	31.5%
Bạc	▬	0.96%	16.8%	-8.9%	71.9%

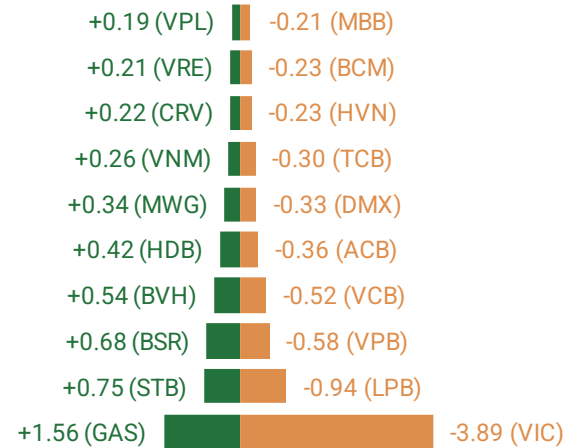
Nguồn: Bloomberg, PHS tổng hợp

Ghi chú (*) Chỉ số giá tại thị trường Trung Quốc

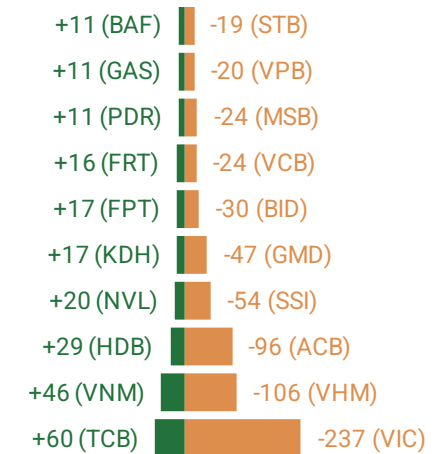
TOP NGÀNH ĐÓNG GÓP ĐIỂM CHO VNINDEX



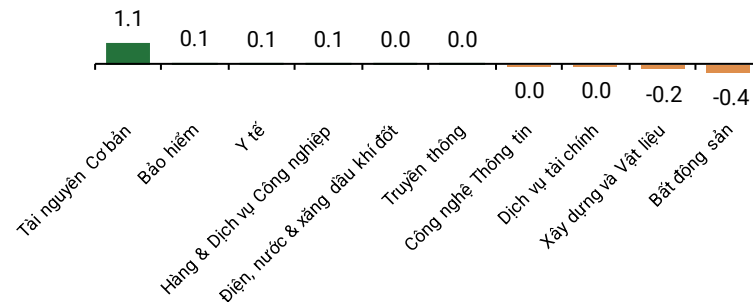
TOP CỔ PHIẾU ĐÓNG GÓP ĐIỂM CHO VNINDEX



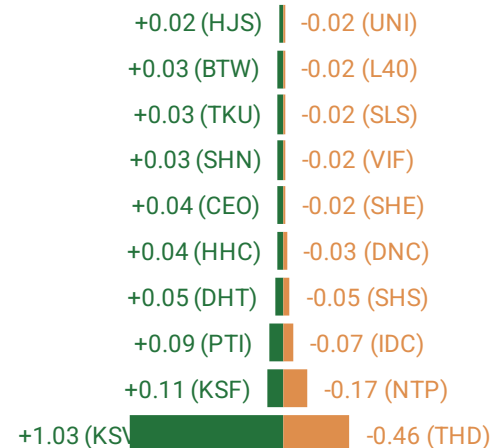
TOP CỔ PHIẾU NGTNN GIAO DỊCH RÒNG (Tỷ VND) - VNINDEX



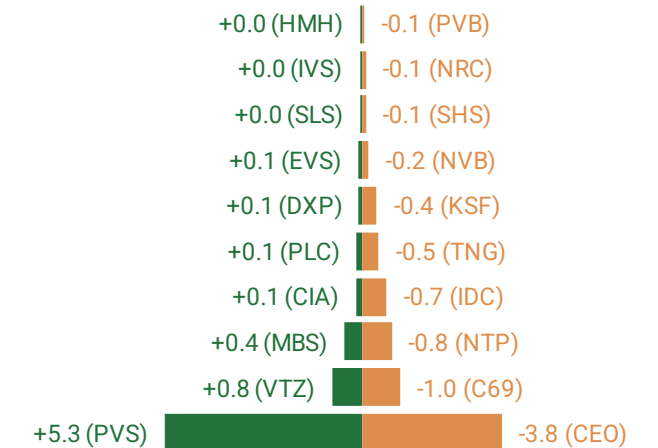
TOP NGÀNH ĐÓNG GÓP ĐIỂM CHO HNXINDEX



TOP CỔ PHIẾU ĐÓNG GÓP ĐIỂM CHO HNXINDEX



TOP CỔ PHIẾU NGTNN GIAO DỊCH RÒNG (Tỷ VND) - HNXINDEX



TOP CỔ PHIẾU GIAO DỊCH KHỚP LỆNH (Tỷ VND) - VNINDEX



	VIC	SHB	HPG	SSI	TCB
%DoD	-1.2%	-0.9%	-0.2%	1.1%	-0.6%
Giá trị	1,279	468	392	363	349

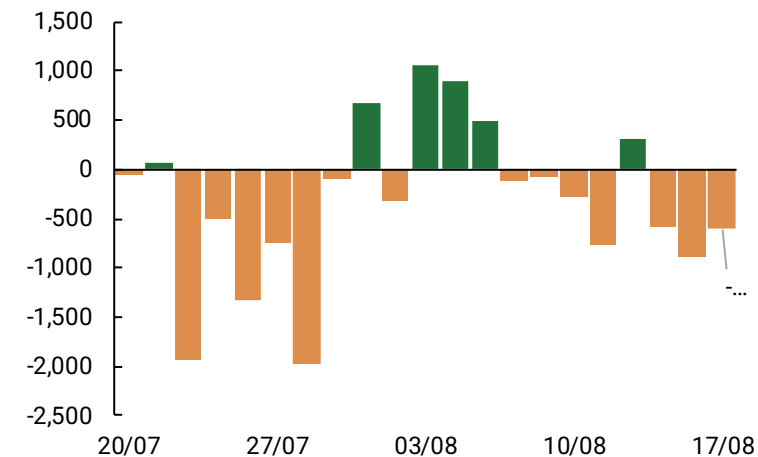
TOP CỔ PHIẾU GIAO DỊCH THỎA THUẬN (Tỷ VND) VNINDEX



	HCM	FPT	GMD	POW	VHM
%DoD	0.4%	0.7%	0.1%	0.8%	0.0%
Giá trị	390	348	324	259	247

BẢN TIN CHỨNG KHOÁN THỐNG KÊ THỊ TRƯỜNG CƠ SỞ

GIÁ TRỊ GD RÒNG NĐTNN TẠI VNINDEX (Tỷ VND)



TOP CỔ PHIẾU GIAO DỊCH KHỚP LỆNH (Tỷ VND) - HNXINDEX



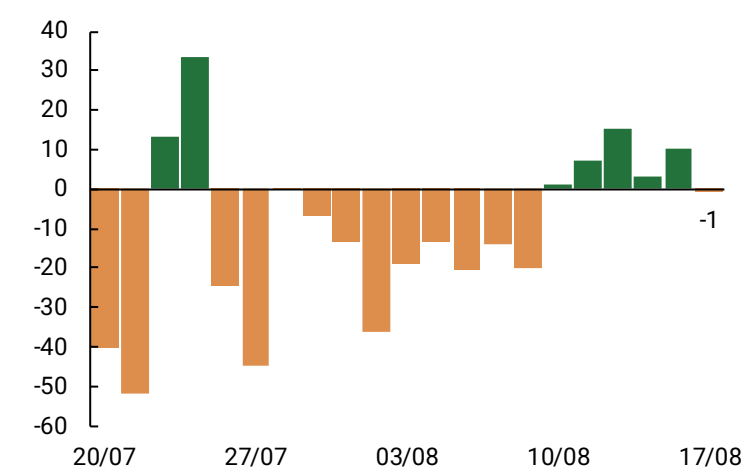
	SHS	PVS	CEO	MBS	VC3
%DoD	-0.7%	0.0%	0.8%	0.0%	0.4%
Giá trị	122	80	70	41	36

TOP CỔ PHIẾU GIAO DỊCH THỎA THUẬN (Tỷ VND) HNXINDEX



	HUT	PMC	CAR	TIG	PVS
%DoD	0.0%	0.0%	0.0%	0.0%	0.0%
Giá trị	56	55	3	3	0

GIÁ TRỊ GD RÒNG NĐTNN TẠI HNXINDEX (Tỷ VND)





Góc nhìn kỹ thuật VNindex

- ✓ Nến Doji, vol dưới mức bình quân 20 phiên.
- ✓ Hỗ trợ: 1660 | 1730.
- ✓ Kháng cự: 1800 | 1850.
- ✓ MACD, RSI suy yếu.
- ✓ Xu hướng: Hạ nhiệt kỹ thuật.

Kịch bản: Giao dịch trở lại giằng co với thanh khoản sụt giảm mạnh. Dù vậy, chỉ số đã đánh mất mốc hỗ trợ quan trọng 1740 điểm, tương ứng quanh MA20 ngày. Nếu các phiên tới giá không phôi, đà giảm sẽ xác nhận và tiếp tục lùi về vùng 1700 điểm. Chiều ngược lại, nếu vận động vượt ngưỡng 1745 có thể kỳ vọng trở lại tích lũy nền giá trong vùng 1750 – 1780 điểm.



Góc nhìn kỹ thuật VN30

- ✓ Nến Spinning top, vol dưới mức bình quân 20 phiên.
- ✓ Hỗ trợ: 1800 | 1880.
- ✓ Kháng cự: 1940 | 1980.
- ✓ MACD, RSI suy yếu.
- ✓ Xu hướng: Hạ nhiệt kỹ thuật.

Kịch bản: Vận động đã lùi về dưới ngưỡng hỗ trợ quan trọng quanh mức 1880 điểm. Nếu các phiên tới chỉ số không bật tăng được trên ngưỡng này, cấu trúc nhịp hồi sẽ vi phạm và xu hướng điều chỉnh có thể mở rộng về vùng đáy cũ quanh mốc 1800 điểm.

STOCK		STRATEGY	Technical		Financial Ratio	
Ticker	MSR	TAKE PROFIT	Current price	42.4	P/E (x)	60.5
Exchange	UPCoM		Action price	38.5 - 39.5	P/B (x)	3.7
Sector	General Mining		Take profit price (18/8)	42.5 - 43.5	9.0%	EPS 700.3 ROE 6.3% Stock Rating BB Scale Market Cap Medium



TÍN HIỆU KỸ THUẬT

- Giá gần tiếp cận mục tiêu 44.
 - Chỉ báo RSI tiến vào vùng quá mua trên 70 có thể khiến động lượng tăng chững lại.
 - Rủi ro thị trường: VN-Index kéo dài nhịp điều chỉnh, gây áp lực lên mặt bằng chung cổ phiếu.
- ➔ Xu hướng có thể cần hạ nhiệt tái tạo thêm đà.
- ➔ Khuyến nghị Chốt lời, có thể tận dụng rung lắc trong phiên.

Cổ phiếu khuyến nghị trong ngày

STT	Mã CK	Khuyến nghị	Ngày khuyến nghị	Giá hiện tại	Giá hành động	LN/Lỗ thực hiện	Giá mục tiêu	LN kỳ vọng	Giá cắt lỗ	Rủi ro giảm	Ghi chú
1	MSR	Chốt lời	18/08/2026	42.4	42.5 - 43.5	9.0%	44	12.8%	36.5	-6.4%	

Danh mục cổ phiếu đang khuyến nghị

STT	Mã CK	Khuyến nghị	Ngày khuyến nghị	Ngày cập nhật khuyến nghị	Giá hiện tại	Giá thực hiện	LN/Lỗ hiện tại	Giá mục tiêu	LN kỳ vọng	Giá cắt lỗ	Rủi ro giảm	Ghi chú
1	MCH	Mua	30/07/2026	-	136.9	135 - 136	1.0%	150	10.7%	129	-4.8%	
2	VCB	Mua	07/08/2026	-	58.2	58.5 - 59	-0.9%	65	10.6%	55.5	-5.5%	
3	HDB	Mua	10/08/2026	-	26.9	26.2 - 26.6	1.7%	28.6	8.3%	25.4	-3.8%	
4	CTR	Mua	11/08/2026	-	76.8	74.6 - 75.6	2.4%	83	10.7%	71.5	-4.7%	
5	BSR	Mua	12/08/2026	-	26.0	25.8 - 26.2	0.0%	29	11.5%	24.5	-5.8%	
6	SAB	Mua	12/08/2026	-	45.8	45.4 - 45.8	0.3%	50	9.6%	43.5	-4.6%	
7	DGW	Mua	13/08/2026	-	41.3	40.5 - 41.5	0.7%	45	9.8%	38.5	-6.1%	



Tín hiệu kỹ thuật

- Hợp đồng VN30F1M** đóng cửa tại 1880, tăng 1.2 điểm (+0.06%). Giá gần như đi ngang với biến động hẹp trong phiên.
- Ở đồ thị 1 giờ**, chỉ báo MACD thu hẹp với đường signal nhưng RSI chưa phục hồi đáng kể, cho thấy trạng thái nghiêng về trung tính và cần củng cố thêm nền giá trước áp lực giảm. Xu hướng sẽ rõ ràng hơn nếu giá thoát khỏi các biên dao động. Theo đó, vị thế Long cần nhắc khi giá vượt và củng cố trên ngưỡng 1888. Vị thế Short cần nhắc khi giá lùi về dưới ngưỡng 1870.
- Hợp đồng VN100F1M** đóng cửa tại 1795, giảm 11.4 điểm (-0.6%). Độ lệch basis 1.1 điểm (cao hơn VN100 cơ sở). Khối lượng khớp lệnh giảm, đạt 21 HĐ. Hỗ trợ gần quanh khu vực 1780 điểm, trong khi kháng cự là ngưỡng 1810 điểm.

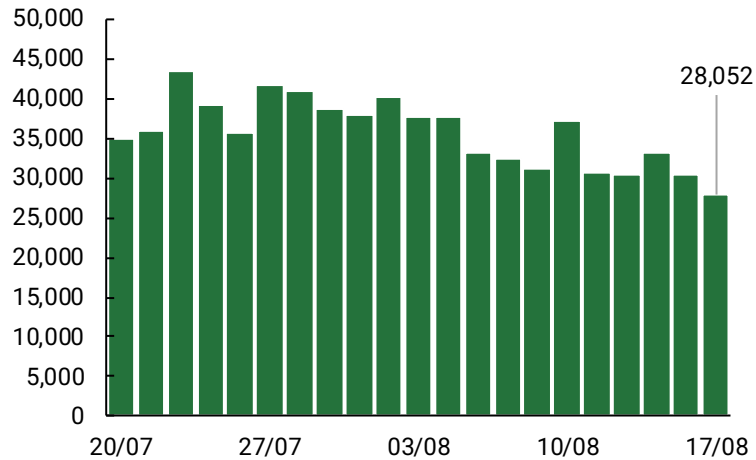
Chiến lược giao dịch trong ngày

Vị thế	Điểm vào	Chốt lời	Cắt lỗ	Lợi nhuận/Rủi ro
Long	> 1888	1902	1880	14 : 8
Short	< 1870	1856	1878	14 : 8

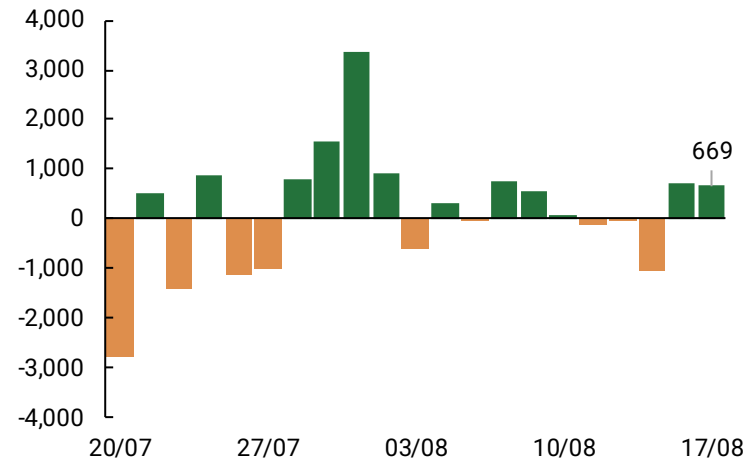
Thông kê hợp đồng tương lai

Mã hợp đồng	Giá đóng cửa	Thay đổi (điểm)	KL giao dịch	KL Mở	Giá lý thuyết	Chênh lệch	Ngày thanh toán	Thời hạn còn lại (ngày)
4111H3000	1,879.4	-3.0	35	221	1,896.5	-17.1	18/03/2027	213
4111GC000	1,872.1	-1.3	37	843	1,888.4	-16.3	17/12/2026	122
4111G9000	1,877.9	2.8	2,515	5,108	1,880.4	-2.5	17/09/2026	31
4111G8000	1,880.0	1.1	200,502	28,052	1,877.9	2.1	20/08/2026	3
4112G8000	1,795.0	-11.4	21	52	1,794.1	0.9	20/08/2026	3

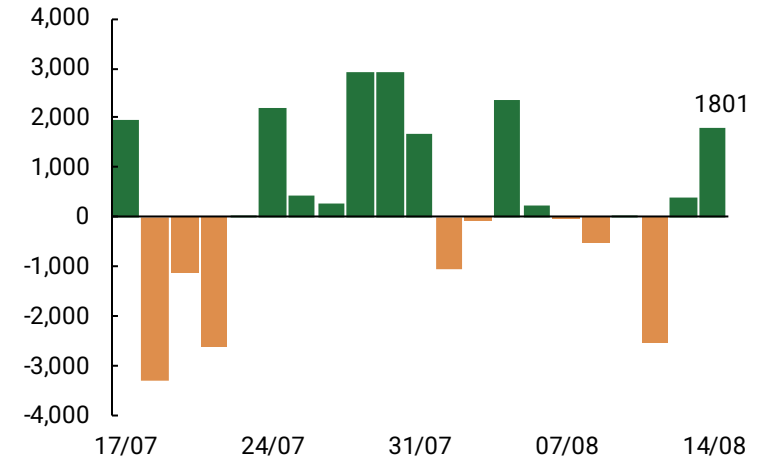
Khối lượng mở (Open interest)



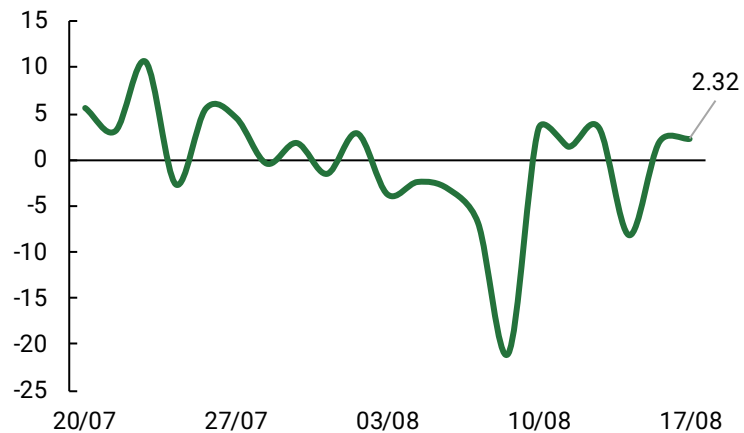
Khối lượng giao dịch ròng của khối ngoại
(Hợp đồng)



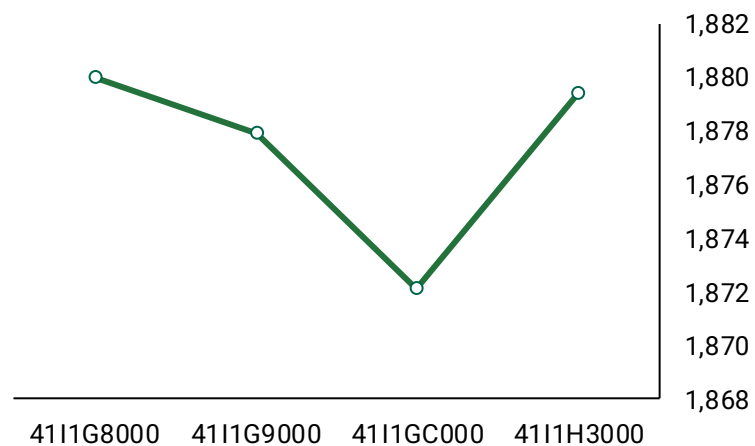
Khối lượng giao dịch ròng của tự doanh
(Hợp đồng)



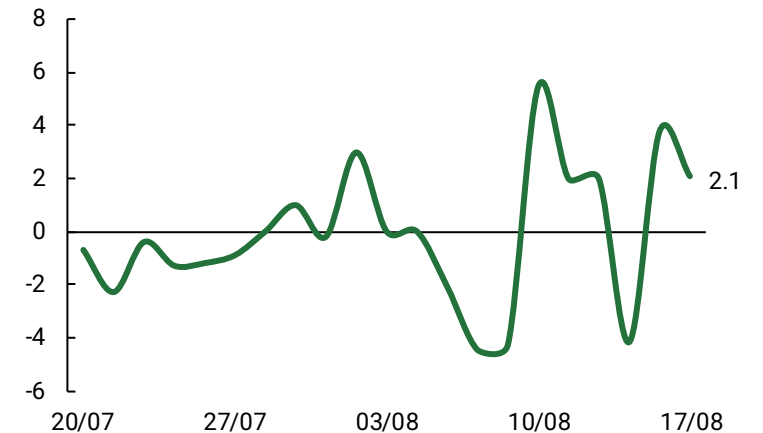
Basis hợp đồng tương lai



Đường cong hợp đồng tương lai



VN30F1M – VN30F2M



THÔNG TIN VĨ MÔ

GDP quý II của Nhật Bản thấp hơn kỳ vọng: Theo số liệu Chính phủ Nhật Bản công bố ngày 17/8, GDP quý II/2026 tăng 1.1% so với cùng kỳ, thấp hơn mức dự báo 2% của thị trường và mức tăng 1.9% đã điều chỉnh của quý trước. Nếu tính theo quý, GDP tăng 0.3%, thấp hơn dự báo 0.5%. Tiêu dùng cá nhân, chiếm hơn một nửa quy mô nền kinh tế, đi ngang trong quý II, trong khi đầu tư vốn giảm 1.2%, trái với dự báo tăng 0.4%. Xuất khẩu tiếp tục là điểm sáng, đóng góp 0.5 điểm phần trăm vào tăng trưởng GDP quý II, nhờ nhu cầu ổn định với xe hybrid và linh kiện bán dẫn.

Tỷ giá trung tâm hạ nhiệt, áp lực USD chưa hoàn toàn giảm: Sau chuỗi tăng kéo dài từ nửa cuối tháng 7, tỷ giá trung tâm VND/USD đã có những phiên điều chỉnh giảm. Ngày 14/8, NHNN công bố tỷ giá trung tâm ở mức 25,561 VND/USD, giảm 5 đồng so với phiên trước và là phiên giảm đầu tiên sau khoảng 3 tuần tăng liên tiếp. Đến sáng 16/8, tỷ giá trung tâm được giữ nguyên ở mức 25,561 VND/USD, thấp hơn mức kỷ lục 25,566 VND/USD nhưng vẫn cao hơn khoảng 1.75–1.8% so với đầu năm. Với mức tham chiếu này, tỷ giá USD tại ngân hàng thương mại được phép giao dịch trong vùng 24,281–26,839 VND/USD

THÔNG TIN DOANH NGHIỆP

POW - Doanh thu 7 tháng đạt hơn 38,500 tỷ đồng: PV Power ghi nhận doanh thu bán điện tháng 7 đạt khoảng 5,138 tỷ đồng, với đóng góp chính từ Nhơn Trạch 3&4, Cà Mau 1&2, Vũng Áng 1 và Nhơn Trạch 2. Lũy kế 7 tháng đầu năm, sản lượng điện của các nhà máy đạt hơn 15.25 tỷ kWh, tổng doanh thu ước đạt 38,540 tỷ đồng. Sang tháng 8, doanh nghiệp đặt mục tiêu sản lượng gần 1,342 triệu kWh và doanh thu khoảng 3,038 tỷ đồng.

VHM - Hoàn tất phát hành hơn 4.1 tỷ cổ phiếu trả cổ tức: Vinhomes đã phân phối thành công hơn 4.1 tỷ cổ phiếu để trả cổ tức cho 34,021 cổ đông, tương ứng tỷ lệ thực hiện 1:1. Sau phát hành, vốn điều lệ của VHM tăng từ hơn 41,074 tỷ đồng lên hơn 82,148 tỷ đồng; cổ phiếu dự kiến được chuyển giao trước ngày 15/9/2026. Trong quý II/2026, VHM ghi nhận doanh thu thuần 52,722 tỷ đồng và LNST 26,467 tỷ đồng, tăng mạnh so với cùng kỳ.

TRC - Sắp thưởng cổ phiếu tỷ lệ 300%: Cao su Tây Ninh chốt ngày đăng ký cuối cùng vào 16/9 để phát hành cổ phiếu thưởng từ nguồn vốn chủ sở hữu. Doanh nghiệp dự kiến phát hành thêm 90 triệu cổ phiếu với tỷ lệ 300%, tương ứng cổ đông sở hữu 1 cổ phiếu sẽ nhận thêm 3 cổ phiếu mới. Sau phát hành, vốn điều lệ của TRC dự kiến tăng gấp 4 lần lên 1,200 tỷ đồng; lũy kế 6 tháng, LNST đạt 142 tỷ đồng, tăng 35% so với cùng kỳ năm trước.

VBB - Dự kiến chào bán hơn 296 triệu cổ phiếu: Vietbank dự kiến phát hành hơn 296 triệu cổ phiếu cho cổ đông hiện hữu với giá 10,000 đồng/cp, tỷ lệ thực hiện quyền mua 100:25. Nếu hoàn tất, ngân hàng dự kiến thu về 2,961 tỷ đồng, sử dụng cho vay khách hàng cá nhân, SME và doanh nghiệp lớn. Trước đó, Vietbank cũng đã phát hành hơn 107 triệu cổ phiếu thưởng, đưa vốn điều lệ lên 11,846 tỷ đồng.

03/08	Mỹ, Trung Quốc, EU – Chỉ số PMI Việt Nam – Chỉ số PMI, Danh mục VN30, VN100 có hiệu lực, Báo cáo kinh tế – xã hội tháng 7/2026
07/08	Mỹ – Tỷ lệ thất nghiệp, Bảng lương phi nông nghiệp
09/08	Trung Quốc – Chỉ số CPI, PPI
11/08	Úc – RBA họp và công bố lãi suất
12/08	Mỹ – Chỉ số CPI
13/08	Việt Nam – MSCI công bố danh mục Mỹ – Chỉ số PPI
14/08	Việt Nam – Hạn BCTC Q2/2026 soát xét
17/08	Trung Quốc – Sản xuất công nghiệp, Doanh số bán lẻ
20/08	Mỹ – Biên bản cuộc họp FOMC Việt Nam – Đáo hạn HĐTL
26/08	Mỹ – Chỉ số PCE, ước tính GDP
27 – 29/08	Mỹ - Hội nghị kinh tế Jackson Hole

Mã CK	Thị giá	Giá hợp lý *	Upside/ Downside	Khuyến nghị
BCM	42,000	73,400	74.8%	Mua
CTG	31,500	40,700	29.2%	Mua
CTD	61,500	82,900	34.8%	Mua
DBD	49,150	68,000	38.4%	Mua
DDV	18,005	35,900	99.4%	Mua
DGW	41,300	47,500	15.0%	Tăng tỷ trọng
DPG	30,150	42,300	40.3%	Mua
DPR	36,800	46,500	26.4%	Mua
DRI	13,373	17,200	28.6%	Mua
EVF	12,400	14,400	16.1%	Tăng tỷ trọng
FRT	147,000	151,000	2.7%	Nắm giữ
GMD	78,800	88,900	12.8%	Tăng tỷ trọng
HAH	45,800	58,300	27.3%	Mua
HDG	16,250	30,900	90.2%	Mua
HHV	10,050	11,700	16.4%	Tăng tỷ trọng
HPG	21,200	34,200	61.3%	Mua
IMP	36,800	54,400	47.8%	Mua
KDH	18,000	38,800	115.6%	Mua
MCH	136,900	175,200	28.0%	Mua
MWG	73,500	115,600	57.3%	Mua

Mã CK	Thị giá	Giá hợp lý *	Upside/ Downside	Khuyến nghị
MBB	19,900	27,500	38.2%	Mua
NLG	23,750	39,400	65.9%	Mua
NT2	21,300	27,700	30.0%	Mua
PHR	61,300	72,800	18.8%	Tăng tỷ trọng
PNJ	36,200	75,500	108.6%	Mua
PVS	34,500	39,900	15.7%	Tăng tỷ trọng
PVT	20,300	26,000	28.1%	Mua
POW	13,350	15,000	12.4%	Tăng tỷ trọng
SAB	45,750	54,900	20.0%	Tăng tỷ trọng
SSI	19,800	31,200	57.6%	Mua
TLG	51,700	50,000	-3.3%	Giảm tỷ trọng
TCB	31,800	41,700	31.1%	Mua
TCM	16,500	35,300	113.9%	Mua
TRC	82,000	91,800	12.0%	Tăng tỷ trọng
VCB	58,200	79,700	36.9%	Mua
VPB	24,750	36,500	47.5%	Mua
VCG	15,800	23,300	47.5%	Mua
VHC	54,000	58,000	7.4%	Nắm giữ
VNM	62,200	66,650	7.2%	Nắm giữ

* Giá hợp lý đã điều chỉnh các quyền thực hiện sau ngày báo cáo

Đảm bảo phân tích

Báo cáo được thực hiện bởi **Lê Trần Khang, chuyên viên phân tích cao cấp – Công ty Cổ phần Chứng khoán Phú Hưng**. Mỗi nhân viên phụ trách về phân tích, chiến lược hay nghiên cứu chịu trách nhiệm cho sự chuẩn bị và nội dung của tất cả các phần có trong bản báo cáo nghiên cứu này đảm bảo rằng, tất cả các ý kiến của những người phân tích, chiến lược hay nghiên cứu đều phản ánh trung thực và chính xác ý kiến cá nhân của họ về những vấn đề trong bản báo cáo. Mỗi nhân viên phân tích, chiến lược hay nghiên cứu đảm bảo rằng họ không được hưởng bất cứ khoản chi trả nào trong quá khứ, hiện tại cũng như tương lai liên quan đến các khuyến cáo hay ý kiến thể hiện trong bản báo cáo này

Miễn trừ trách nhiệm

Báo cáo nghiên cứu này được chuẩn bị bởi Công ty Cổ phần Chứng khoán Phú Hưng (PHS) nhằm mục đích cung cấp thông tin. Thông tin được trình bày trong báo cáo này được thu thập từ các nguồn được cho là đáng tin cậy, nhưng PHS không đảm bảo về tính chính xác hoặc đầy đủ của thông tin đó. Các quan điểm, ước tính, và dự báo trong báo cáo này phản ánh đánh giá hiện tại của tác giả tại thời điểm phát hành báo cáo và có thể thay đổi mà không cần thông báo trước. Báo cáo này không phải là một lời đề nghị bán hoặc mời chào mua bất kỳ loại chứng khoán nào. Báo cáo này không nhằm mục đích cung cấp tư vấn đầu tư cá nhân và không xét đến các mục tiêu đầu tư cụ thể, tình hình tài chính, hoặc nhu cầu của bất kỳ cá nhân nào. PHS, các công ty liên kết và/hoặc các cán bộ, giám đốc hoặc nhân viên của họ có thể có lợi ích hoặc vị trí trong, và có thể thực hiện các giao dịch liên quan đến chứng khoán hoặc quyền chọn được đề cập trong báo cáo này. PHS cũng có thể thực hiện hoặc tìm cách thực hiện các dịch vụ ngân hàng đầu tư hoặc các dịch vụ khác cho các công ty được đề cập trong báo cáo này. PHS, các công ty liên kết của mình, cũng như các cán bộ, giám đốc hoặc nhân viên của họ, không chịu bất kỳ trách nhiệm pháp lý nào đối với bất kỳ tổn thất trực tiếp hoặc hệ quả nào phát sinh từ việc sử dụng báo cáo này hoặc nội dung của nó

© Công ty Cổ phần Chứng khoán Phú Hưng (PHS)

Tầng 21, Phú Mỹ Hưng Tower, 08 Hoàng Văn Thái, phường Tân Phú, quận 7, Tp.HCM

Điện thoại: (+84-28) 5 413 5479

Fax: (+84-28) 5 413 5472

Hỗ trợ khách hàng: 1900 25 23 58

Hỗ trợ đặt lệnh: (+84-28) 5 413 5488

E-mail: info@phs.vn / support@phs.vn

Web: www.phs.vn

Chi nhánh Quận 1

Phòng 1003A, Tầng 10, Tòa nhà Ruby, 81-83-83B-85 Hàm Nghi, Phường Nguyễn Thái Bình, Quận 1, Tp.HCM

Điện thoại: (84-28) 3 535 6060

Fax: (84-28) 3 535 2912

Chi nhánh Quận 3

Tầng 4, D&D Tower, 458 Nguyễn Thị Minh Khai, Phường 2, Quận 3, Tp. HCM

Điện thoại: (84-28) 3 820 8068

Fax: (84-28) 3 820 8206

Chi nhánh Tân Bình

Tòa nhà Park Legend, 251 Hoàng Văn Thụ, Phường 2, Quận Tân Bình, Tp.HCM

Điện thoại: (84-28) 3 813 2401

Fax: (84-28) 3 813 2415

Chi nhánh Thanh Xuân

Tầng 5 - Văn phòng C, Tòa nhà Taisei Square Hanoi - số 289 đường Khuất Duy Tiến, phường Đại Mỗ, Tp.Hà Nội.

Điện thoại: (84-24) 6 250 9999

Fax: (84-24) 6 250 6666

Chi nhánh Hải Phòng

Tầng 2, Tòa nhà Eliteco, 18 Trần Hưng Đạo, Quận Hồng Bàng, Hải Phòng

Điện thoại: (84-225) 384 1810

Fax: (84-225) 384 1801